

Phụ lục I
THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH HUYỆN LỘC BÌNH
(Kèm theo Đề án số: /ĐA-UBND ngày tháng 02 năm 2024 của UBND huyện Lộc Bình)

TT	Đơn vị hành chính	Miền núi, vùng cao	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Số ĐVHC cấp xã trực thuộc
			Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)	
1	Huyện Lộc Bình	MN	87.871	94,25	Biên giới	986,43	116,05	93.228	582,675	21

Phụ lục II
THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ THUỘC HUYỆN LỘC BÌNH

(Kèm theo Đề án số: /ĐA-UBND ngày tháng 02 năm 2024 của UBND huyện Lộc Bình)

STT	Đơn vị hành chính	Khu vực miền núi, vùng cao	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
			Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8
1	Xã Khánh Xuân	MN	3.797	98,18	Khu vực I	30,56	61,12	3.867	386,70
2	Xã Thống Nhất	MN	7.270	99,29	Khu vực III	47,31	94,62	7.322	732,20
3	Xã Minh Hiệp	VC	4.033	99,71	Khu vực III	52,26	104,52	4.045	404,50
4	Xã Đông Quan	MN	7.257	98,65	Khu vực III	73,59	147,17	7.356	735,60
5	Xã Mẫu Sơn	VC	1.363	98,43	Khu vực III, biên giới	56,55	113,11	1.385	138,50
6	Xã Yên Khoái	MN	3.737	93,51	Khu vực I, biên giới	26,26	52,53	3.996	399,60
7	Xã Tú Mịch	VC	4.115	99,43	Khu vực I, biên giới	53,23	106,46	4.139	413,90
8	Xã Hữu Khánh	MN	3.136	97,98	Khu vực I	21,10	42,20	3.201	320,10
9	Xã Đồng Bục	MN	3.902	97,15	Khu vực I	9,72	19,44	4.016	401,60
10	Xã Tam Gia	VC	2.063	99,22	Khu vực III, biên giới	48,77	97,54	2.079	207,90
11	Xã Tú Đoan	MN	7.036	98,32	Khu vực I	24,86	49,72	7.156	715,60
12	Xã Khuất Xá	MN	5.262	94,64	Khu vực I	27,35	54,70	5.560	556,00
13	Xã Tĩnh Bắc	VC	1.744	99,52	Khu vực III	48,79	97,58	1.752	175,20
14	Xã Sần Viên	MN	3.823	99,46	Khu vực III	64,66	129,31	3.844	384,40
15	Xã Hữu Lân	MN	2.787	99,81	Khu vực III	91,04	182,08	2.792	279,20
16	Xã Lợi Bắc	MN	3.288	99,22	Khu vực III	74,45	148,91	3.314	331,40
17	Xã Nam Quan	VC	2.534	98,66	Khu vực III	61,82	123,63	2.568	256,80

STT	Đơn vị hành chính	Khu vực miền núi, vùng cao	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
			Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
18	Xã Xuân Dương	VC	1.728	99,5	Khu vực III	46,19	92,39	1.737	173,70
19	Xã Ái Quốc	VC	2.221	99,66	Khu vực III	98,69	197,38	2.229	222,90
20	Thị trấn Na Dương	MN	7036	78,16	Khu vực I	11,46	81,86	9002	225,05
21	Thị trấn Lộc Bình	MN	9739	82,06	Khu vực I	17,77	126,93	11868	296,7

Phụ lục III
THỐNG KÊ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ THUỘC ĐIỆN KHUYẾN KHÍCH SẮP XẾP
GIAI ĐOẠN 2023 - 2025, HUYỆN LỘC BÌNH

(Kèm theo Đề án số: /ĐA-UBND ngày tháng 02 năm 2024 của UBND huyện Lộc Bình)

STT	Đơn vị hành chính	Khu vực miền núi, vùng cao	Dân tộc thiểu số		Yếu tố đặc thù khác (nếu có)	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số	
			Số người	Tỷ lệ (%)		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
1	Xã Tĩnh Bắc	VC	1.744	99,52	Khu vực III	48,79	97,58	1.752	175,2
2	Xã Tam Gia	VC	2.063	99,22	Khu vực III, biên giới	48,77	97,54	2.079	207,9

Phụ lục IV
THỰC TRẠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG THUỘC ĐVHC
CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP GIAI ĐOẠN 2023 - 2025,
HUYỆN LỘC BÌNH

(Kèm theo Đề án số: /ĐA-UBND ngày tháng 02 năm 2024 của UBND huyện Lộc Bình)

TT	Chức danh	Số được giao	Số có mặt	Ghi chú
A	CÁN BỘ, CÔNG CHỨC	42	40	
I	CÁN BỘ	21	19	
1	Bí thư Đảng ủy	2	2	Kiểm Chủ tịch UBND
2	Phó Bí thư Đảng ủy	2	2	Kiểm Chủ tịch HĐND
3	Chủ tịch HĐND	0	0	PBT Đảng ủy xã kiêm nhiệm
4	Phó Chủ tịch HĐND	2	2	
5	Chủ tịch UBND	2	0	Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm
6	Phó Chủ tịch UBND	3	3	
7	Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam	2	2	
8	Bí thư Đoàn Thanh niên CS HCM	2	2	
9	Chủ tịch Hội Nông dân	2	2	
10	Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ	2	2	
11	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	2	2	
II	CÔNG CHỨC	21	21	
1	Chỉ huy trưởng Quân sự	2	2	
2	Văn phòng - Thống kê	4	4	
3	Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	5	5	
4	Tài chính - Kế toán	2	2	
5	Tư pháp - Hộ tịch	4	4	
6	Văn hoá - Xã hội	4	4	
B	NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ	24	20	

1	Văn phòng Đảng ủy	2	2	
2	Phó Chủ tịch UBMTTQ VN	2	1	
3	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	2	2	
4	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	2	2	
5	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	2	2	
6	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	2	2	
7	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ	2	2	
8	Phó Bí thư Đoàn TNCS HCM	2	1	
9	Phó Chỉ huy trưởng quân sự	4	3	
10	Khuyến nông viên	2	2	
11	Nhân viên thú ý	2	1	
C	SỐ LƯỢNG CÔNG AN CHÍNH QUY	13	13	
D	SỐ LƯỢNG VIÊN CHỨC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN	114	106	
1	Trạm y tế cấp xã	12	12	
2	Đơn vị sự nghiệp giáo dục (<i>cấp THCS, Tiểu học, mầm non</i>)	102	94	

Phụ lục V

PHƯƠNG ÁN, LỘ TRÌNH SẮP XẾP, KIẾN TOÀN TỔ CHỨC, BỘ MÁY CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2023 - 2025, HUYỆN LỘC BÌNH

(Kèm theo Đề án số: /ĐA-UBND ngày tháng 02 năm 2024 của UBND huyện Lộc Bình)

TT	Cơ quan, tổ chức	Phương án	Lộ trình sắp xếp, kiện toàn
1	Đảng ủy cấp xã	Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư và chỉ đạo bầu Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy.	Từ tháng 01/2025
2	Hội đồng nhân dân cấp xã	Hợp nhất đại biểu HĐND của 2 xã thành đại biểu của ĐVHC mới và tiếp tục hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026. Chỉ định triệu tập viên tổ chức kỳ họp thứ nhất, bầu Thường trực HĐND.	Từ tháng 01/2025
3	Ủy ban nhân dân cấp xã	Do kỳ họp thứ nhất HĐND xã bầu ra sau sáp nhập.	Từ tháng 01/2025
4	Các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã	Thường vụ cấp trên chỉ định Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch tổ chức hội.	Từ tháng 01/2025
5	Công an cấp xã (*)	Bổ trí lại lực lượng, sắp xếp cán bộ, cơ cấu trong biên chế nội bộ một cách hợp lý theo quy định.	Từ tháng 01/2025
6	Trạm y tế cấp xã (**)	Duy trì các hoạt động khám, chữa bệnh; điều động viên chức dôi dư sang đơn vị khác còn thiếu.	
7	Đơn vị sự nghiệp giáo dục (nếu có)	Giữ nguyên hiện trạng cơ sở trường lớp, giáo viên và học sinh.	

(; **) Lưu ý: Đối với các cơ quan, tổ chức trực thuộc thuộc các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh, cấp trung ương có trụ sở đóng trên địa bàn các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp, UBND cấp huyện phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trực tiếp quản lý xây dựng phương án, lộ trình dự kiến sắp xếp tổ chức, bộ máy để đảm bảo tính tổng thể của Đề án theo quy định.*

Phụ lục VI

PHƯƠNG ÁN, LỘ TRÌNH BỐ TRÍ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG THUỘC ĐVHC CẤP XÃ MỚI SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP GIAI ĐOẠN 2023 - 2025, HUYỆN LỘC BÌNH

(Kèm theo Đề án số: /ĐA-UBND ngày tháng 02 năm 2024 của UBND huyện Lộc Bình)

TT	Chức danh	Số bố trí theo định mức	Dự kiến phương án, lộ trình sắp xếp đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư (Đến hết năm 2029)				
			Điều động, bố trí, tuyển dụng sang cơ quan, đơn vị khác	Nghỉ theo chế độ hưu trí	Nghỉ theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP	Tình hình biên chế theo Nghị định 29/2023/NĐ-CP	
						Nghỉ hưu trước tuổi	Nghỉ thôi việc
A	CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ						
I	Cán Bộ	11					
1	Bí thư Đảng uỷ	1					
2	Phó Bí thư Đảng uỷ (Kiêm Chủ tịch HĐND)	1					
3	Phó Chủ tịch HĐND	1				1	
4	Chủ tịch UBND	1					
5	Phó Chủ tịch UBND	2					
6	Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam	1					
7	Bí thư Đoàn Thanh niên CS HCM	1					
8	Chủ tịch Hội Nông dân	1					
9	Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ	1					
10	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1					
II	Công chức	11					
1	Chỉ huy trưởng Quân sự	1					
2	Văn phòng - Thống kê	2	4				
3	Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	3	3				
4	Tài chính - Kế toán	1	1				
5	Tư pháp - Hộ tịch	2	7				
6	Văn hoá - Xã hội	2	2				
B	NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ	14					

1	Văn phòng Đảng ủy	1					
2	Phó Chủ tịch UBMTTQ VN	1					
3	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	1					
4	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	1					
5	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1					
6	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	1					
7	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ	1					
8	Phó Bí thư Đoàn TNCS HCM	1					
9	Phó Chỉ huy trưởng quân sự	2					
10	Khuyến nông viên	2					
11	Nhân viên thú ý	2					
C	CÔNG AN CHÍNH QUY CẤP XÃ (*)	8	5				
D	VIÊN CHỨC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN (**)						
1	Trạm y tế cấp xã	6	6				
2	Đơn vị sự nghiệp giáo dục	94	0				

(; **) Lưu ý: Đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (gồm Công an xã chính quy) thuộc các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh, cấp trung ương có trụ sở đóng trên địa bàn các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp, UBND cấp huyện phối hợp với cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ, công chức, viên chức để cung cấp thông tin, xây dựng phương án dự kiến sắp xếp để đảm bảo tính tổng thể của Đề án theo quy định.*

Phụ lục VII
CÁC CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP XÃ THỰC HIỆN SẮP XẾP GIAI ĐOẠN 2023 - 2025, HUYỆN LỘC BÌNH
(Kèm theo Đề án số: /ĐA-UBND ngày tháng 02 năm 2024 của UBND huyện Lộc Bình)

ĐVHC cấp xã trước khi thực hiện sắp xếp										ĐVHC cấp xã hình thành sau khi thực hiện sắp xếp										Ghi chú
TT	Tên ĐVHC	Phân loại ĐVHC	CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ HIỆN HƯỞNG							TT	Tên ĐVHC	Phân loại ĐVHC	DỰ KIẾN XÁC ĐỊNH CÁC CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ							
			Xã Anh hùng lực lượng nhân dân	Xã An toàn khu	Thuộc khu vực MN, VC	Phân loại xã thuộc vùng đồng bào DTTS&MT (I,II,III)	Thuộc khu vực biên giới	Xã nông thôn mới	Phụ cấp khu vực				Xã Anh hùng lực lượng nhân dân	Xã An toàn khu	Thuộc khu vực MN, VC	Phân loại xã thuộc vùng đồng bào DTTS&MT (I,II,III)	Thuộc khu vực biên giới	Xã nông thôn mới	Phụ cấp khu vực	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	C	D	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Xã Tam Gia	I			VC	III	Biên giới	NTM năm 2022	0,7	1	Xã Tam Gia	I			VC	III	Biên giới	Dự kiến đạt chuẩn NTM	0,7	
2	Xã Tĩnh Bắc	II			VC	III		NTM năm 2023	0,7											